

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY KHÓA 43
NĂM 2018 (NIÊN KHÓA 2018 - 2022)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHL ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

1. Thông tin chung về trường

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

* Tên trường: Trường Đại học Luật Hà Nội

Tên tiếng Anh của Trường là Hanoi Law University.

* Sứ mệnh và tầm nhìn: Trường Đại học Luật Hà Nội là trường đại học có định hướng nghiên cứu; có sứ mạng cung cấp nguồn nhân lực pháp luật chất lượng cao cho đất nước, cung cấp các sản phẩm khoa học và dịch vụ pháp lý chất lượng cao cho Nhà nước, xã hội và người dân, tham gia tích cực trong công tác xây dựng pháp luật và chính sách, phản biện xã hội, góp phần thực hiện nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Trường Đại học Luật Hà Nội xác định tầm nhìn trở thành trường đại học trọng điểm đào tạo pháp luật và cán bộ về pháp luật ở Việt Nam, phấn đấu trở thành cơ sở đào tạo luật có uy tín, trung tâm nghiên cứu khoa học pháp lý, trung tâm truyền bá khoa học pháp lý hàng đầu của Việt Nam và có thương hiệu trong khu vực Đông Nam Á.

* Trụ sở chính của Trường: số 87 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

* Công thông tin điện tử chính thức của Trường: www.hlu.edu.vn

1.2. Quy mô đào tạo

Nhóm ngành	Quy mô hiện tại			
	ĐH		CĐSP	
	GD chính quy	GDTX	GD chính quy	GDTX
Nhóm ngành I				
Nhóm ngành II				

Nhóm ngành III	NCS: 192; CH: 954 ĐH: 10.575	ĐH: 5200		
Nhóm ngành IV				
Nhóm ngành V				
Nhóm ngành VI				
Nhóm ngành VII	ĐH: 309			
Tổng (ghi rõ cả số NCS, học viên cao học, SV ĐH, CĐ)	12.030	5200		

1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Năm 2016: Trường xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT Quốc gia của thí sinh tại các cụm thi do các trường đại học chủ trì.

Năm 2017: Trường thực hiện tuyển sinh thông qua xét tuyển học bạ kết hợp với xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi THPT Quốc gia năm 2017 theo các tổ hợp được xác định cụ thể cho từng ngành. Quy trình tuyển sinh gồm: Xét điểm trung bình của 03 môn thuộc tổ hợp các môn xét tuyển theo các tổ hợp (tổ hợp A00, A01, C00, D01) gồm: học bạ ở 6 học kỳ THPT (chiếm tỉ trọng 30%) và điểm thi THPT Quốc gia năm 2017 (chiếm tỉ trọng 70%).

1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh: 2016			Năm tuyển sinh: 2017		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
Nhóm ngành III - Ngành Luật Kinh tế <i>Tổ hợp A00:</i> <i>Tổ hợp C00:</i> <i>Tổ hợp D01:</i>	1900	1652	Ngành Luật Kinh tế: A00: 25.25 C00: 28.00 D01: 23.75 Ngành Luật: A00: 23.25	2010	2011	Ngành Luật Kinh tế: A00: 27.00 A01: 26.75 C00: 28.75 D01: 25.75 Ngành Luật: A00: 24.00

- Ngành Luật Tổ hợp A00: Tổ hợp C00: Tổ hợp D01: - Ngành Luật Thương mại quốc tế Tổ hợp D01:			C00: 26.25 D01: 21.75 Ngành Luật Thương mại quốc tế: D01: 31.25 (tiếng Anh nhân hệ số 2)			A01: 24.50 C00: 27.50 D01: 23.50 Ngành Luật Thương mại quốc tế: A01: 26.25 D01: 25.25
Nhóm ngành III - Ngành Luật Kinh tế Tổ hợp A00: Tổ hợp C00: Tổ hợp D01: - Ngành Luật Tổ hợp A00: Tổ hợp C00: Tổ hợp D01: - Ngành Luật Thương mại quốc tế Tổ hợp D01:	1900	1652	Ngành Luật Kinh tế: A00: 25.25 C00: 28.00 D01: 23.75 Ngành Luật: A00: 23.25 C00: 26.25 D01: 21.75 Ngành Luật Thương mại quốc tế: D01: 31.25 (tiếng Anh nhân hệ số 2)	2010	2011	Ngành Luật Kinh tế: A00: 27.00 A01: 26.75 C00: 28.75 D01: 25.75 Ngành Luật: A00: 24.00 A01: 24.50 C00: 27.50 D01: 23.50 Ngành Luật Thương mại quốc tế: A01: 26.25 D01: 25.25
Nhóm ngành VII Ngành Ngôn ngữ Anh Tổ hợp D01	100	60	D01: 29.25 (tiếng Anh nhân hệ số 2)	60	63	A01: 24.50 D01: 24.00
Tổng	2000	1712			2074	

2. Các thông tin của năm tuyển sinh

2.1. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh tham gia tuyển sinh phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, sau đây gọi chung là tốt nghiệp

trung học;

Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ GD&ĐT.

b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật được UBND cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập do hậu quả của chất độc hoá học là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học: Hiệu trưởng trường Đại học Luật Hà Nội xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe.

Ngoài những điều kiện trên đây, quân nhân tại ngũ sắp hết hạn nghĩa vụ quân sự theo quy định, nếu được Thủ trưởng từ cấp trung đoàn trở lên cho phép thì được dự tuyển theo nguyện vọng cá nhân, nếu trúng tuyển phải nhập học ngay năm đó, không được bảo lưu sang năm học sau.

2.2. Phạm vi tuyển sinh

Tuyển sinh trong cả nước.

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Trường áp dụng 2 phương thức tuyển sinh, cụ thể như sau:

* Phương thức 1: 15% trong tổng số chỉ tiêu dùng để xét tuyển (theo ngành) dựa trên kết quả học tập bậc THPT của thí sinh các trường THPT chuyên/năng khiếu quốc gia, trường THPT chuyên/năng khiếu cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương, học sinh lớp chuyên của các trường THPT trọng điểm quốc gia chất lượng cao.

* Phương thức 2: 85% trong tổng số chỉ tiêu dùng để xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi THPT Quốc gia năm 2018 theo các tổ hợp được xác định cụ thể cho từng ngành.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành/nhóm ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

Tên trường. Ngành học.	Ký hiệu trường	Mã ngành	Tổ hợp môn thi/ xét tuyển	Chỉ tiêu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI	LPH			2.210

Số 87 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội. ĐT: (024)38351879 Fax: (024)38343226 Hotline: 19001205 Website: www.hlu.edu.vn Email: phongdaotao@hlu.edu.vn				
Các ngành đào tạo đại học:				
Luật		7380101	A00, A01, C00, D01	1.570
Luật Kinh tế		7380107	A00, A01, C00, D01	400
Luật Thương mại quốc tế ^(*)		7380109	A01, D01	120
Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành Tiếng Anh pháp lý) ^(*)		7220201	A01, D01	120
Ghi chú: đối với ngành có ký hiệu ^(*) , môn Tiếng Anh nhân hệ số 2./.				

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT

Đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi THPT Quốc gia năm 2018: Tổng điểm của các môn thuộc tổ hợp xét tuyển tối thiểu đạt 18.00 điểm trở lên (không tính điểm ưu tiên).

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

* Đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT:

Trường thực hiện việc xét tuyển (theo ngành) dựa trên kết quả học tập bậc THPT của thí sinh các trường THPT chuyên/năng khiếu quốc gia, trường THPT chuyên/năng khiếu cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương, học sinh lớp chuyên của các trường THPT trọng điểm quốc gia chất lượng cao có học lực loại giỏi trở lên cả 3 năm, trong đó kết quả học tập lớp 12 của các môn thuộc tổ hợp đăng ký xét tuyển không dưới 8,0.

Tiêu chí xét tuyển

- Đủ điều kiện về đối tượng tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Đã tốt nghiệp THPT năm 2018;
- Điểm xét tuyển bằng tổng điểm trung bình chung cộng với điểm ưu tiên đối tượng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

Cách tính điểm và điểm ưu tiên xét tuyển

Xét kết quả học tập 3 môn thuộc các tổ hợp xét tuyển (theo ngành) của năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12

$$\text{ĐXT} = (\text{ĐTB Môn 1} + \text{ĐTB Môn 2} + \text{ĐTB Môn 3})/3 + \text{ĐƯT (nếu có)}$$

- ĐTB Môn 1 = (ĐTB cả năm lớp 10 Môn 1 + ĐTB cả năm lớp 11 Môn 1 + ĐTB cả năm lớp 12 Môn 1)/3;

- ĐTB Môn 2 = (ĐTB cả năm lớp 10 Môn 2 + ĐTB cả năm lớp 11 Môn 2 + ĐTB cả năm lớp 12 Môn 2)/3;

- ĐTB Môn 3 = (ĐTB cả năm lớp 10 Môn 3 + ĐTB cả năm lớp 11 Môn 3 + ĐTB cả năm lớp 12 Môn 3)/3.

(Trong đó, ĐXT: Điểm xét tuyển; ĐTB: Điểm trung bình; ĐƯT: Điểm ưu tiên).

Nếu số lượng chỉ tiêu còn ít mà nhiều thí sinh cùng mức điểm sẽ xét theo tiêu chí phụ:

Đối với ngành Luật, ngành Luật Kinh tế: Thí sinh xét tuyển theo tổ hợp các môn: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý thì thí sinh có điểm môn Ngữ văn cao hơn sẽ trúng tuyển; Thí sinh xét tuyển theo tổ hợp các môn: Toán, Vật lý, Hóa học thì thí sinh có điểm môn Toán cao hơn sẽ trúng tuyển; Thí sinh xét tuyển theo tổ hợp các môn: Toán, Vật lý, Tiếng Anh và tổ hợp Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh thì thí sinh có điểm môn Tiếng Anh cao hơn sẽ trúng tuyển;

Đối với ngành Ngôn ngữ Anh và ngành Luật Thương mại quốc tế, thí sinh có điểm môn Tiếng Anh cao hơn sẽ trúng tuyển.

Thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức dựa trên kết quả học tập bậc THPT phải xác nhận nhập học theo hình thức và thời gian do Trường ấn định. Trường hợp tuyển sinh theo phương thức này chưa hết chỉ tiêu thì số chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển theo phương thức dựa trên kết quả của Kỳ thi THPT Quốc gia năm 2018.

*** Đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi THPT Quốc gia năm 2018:**

Các thí sinh đủ điều kiện về đối tượng tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo được tham gia xét tuyển.

Trường sử dụng kết quả miễn thi Tiếng Anh trong kỳ thi THPT Quốc gia để tuyển sinh. Nếu thí sinh đăng ký miễn thi Tiếng Anh trong kỳ thi THPT Quốc gia nhưng vẫn dự thi môn Tiếng Anh thì Trường sẽ sử dụng kết quả thi THPT môn Tiếng Anh để xét tuyển. Việc sử dụng kết quả miễn thi môn Tiếng Anh được xác định như sau:

Thí sinh có các chứng chỉ có giá trị sử dụng tính đến thời điểm trước kỳ thi THPT Quốc gia năm 2018 được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận với số điểm tối thiểu: IELTS 7.0 điểm, TOEFL ITP 627 điểm, TOEFL iBT 95 điểm được quy đổi tương ứng 10 điểm môn Tiếng Anh; Thí sinh có các chứng chỉ có

giá trị sử dụng tính đến thời điểm trước kỳ thi THPT Quốc gia năm 2018 được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận với số điểm tối thiểu: IELTS 6.5 điểm, TOEFL ITP 550 điểm, TOEFL iBT 79 điểm được quy đổi tương ứng 9,5 điểm môn Tiếng Anh; Thí sinh có các chứng chỉ có giá trị sử dụng tính đến thời điểm trước kỳ thi THPT Quốc gia năm 2018 được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận với số điểm tối thiểu: IELTS 6.0 điểm, TOEFL ITP 525 điểm, TOEFL iBT 70 điểm được quy đổi tương ứng 9,0 điểm môn Tiếng Anh.

(Lưu ý: Thí sinh đăng ký miễn thi Tiếng Anh sẽ đăng ký theo tổ hợp như sau: thí sinh đăng ký xét tuyển các môn Toán, Vật lý, Tiếng Anh sẽ chọn tổ hợp A01CC; thí sinh đăng ký xét tuyển các môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh sẽ chọn tổ hợp D01CC)

- Ngành Luật Thương mại quốc tế và ngành Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành Tiếng Anh pháp lý) môn Tiếng Anh nhân hệ số 2;

- Điểm trúng tuyển xác định theo từng mã ngành, theo từng tổ hợp môn thi;

- Trường không sử dụng kết quả bảo lưu của kỳ thi THPT Quốc gia năm 2017 để xét tuyển năm 2018;

- Trường tuyển 160 chỉ tiêu đào tạo chất lượng cao ngành Luật. Việc tuyển chọn thực hiện sau khi các thí sinh trúng tuyển vào Trường.

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối từng ngành đào tạo...

- Thời gian tuyển sinh theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Nhận ĐKXT: Trực tuyến, chuyển phát nhanh qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Trường;

- Tổ hợp bài thi (theo tổ hợp môn thi):

STT	Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp môn thi/ xét tuyển	Chỉ tiêu
1	Luật	7380101	A00, A01, C00, D01	1.570
2	Luật Kinh tế	7380107	A00, A01, C00, D01	400
3	Luật Thương mại quốc tế	7380109	A01, D01	120
4	Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành Tiếng Anh pháp lý)	7220201	A01, D01	120
Tổng chỉ tiêu				2210

Ghi chú: Ngành Luật Thương mại quốc tế và Ngành Ngôn ngữ Anh, môn Tiếng Anh nhân hệ số 2./

(Lưu ý: Thí sinh đăng ký miễn thi Tiếng Anh sẽ đăng ký theo tổ hợp như sau: thí sinh đăng ký xét tuyển các môn Toán, Vật lý, Tiếng Anh sẽ chọn tổ hợp A01CC; thí sinh đăng ký xét tuyển các môn Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh sẽ chọn tổ hợp D01CC)

2.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...

2.8.1. Quy định về xét tuyển thẳng

2.8.1.1. Đối tượng được xét tuyển thẳng

Các đối tượng được xét tuyển thẳng vào Trường Đại học Luật Hà Nội thuộc diện không phải học bổ sung kiến thức bao gồm:

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp trung học;

b) Người đã trúng tuyển vào Trường Đại học Luật Hà Nội, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét nhận vào học tại Trường Đại học Luật Hà Nội. Nếu việc học tập bị gián đoạn từ 3 năm trở lên và các đối tượng được xét tuyển thẳng có nguyện vọng, thì được xem xét giới thiệu vào lớp dự bị để ôn tập trước khi vào học chính thức;

c) Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi đã tốt nghiệp trung học được tuyển thẳng vào ngành Luật.

Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi nếu chưa tốt nghiệp trung học sẽ được bảo lưu sau khi tốt nghiệp trung học;

d) Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh và thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi tốt nghiệp trung học năm 2018 được tuyển thẳng vào ngành Luật;

Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Tiếng Anh tốt nghiệp trung học năm 2018 được tuyển thẳng vào ngành Luật Thương mại quốc tế và ngành Ngôn ngữ Anh;

Thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia và thí sinh đoạt giải nhất, nhì trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi, nếu chưa tốt nghiệp trung học được bảo lưu sau khi tốt nghiệp trung học.

đ) Đối với thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định: Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội căn cứ vào kết quả học tập THPT của học sinh (học bạ),

tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học;

e) Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại Trường Đại học Luật Hà Nội: Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội căn cứ kết quả học tập THPT của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực tiếng Việt theo quy định của trường để xem xét, quyết định cho vào học.

Hồ sơ của thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng vào Trường Đại học Luật Hà Nội thuộc diện không phải học bổ sung kiến thức bao gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (Phụ lục 3, Công văn số 899/BGDĐT-GDDH ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy năm 2018);

- Ít nhất một trong các bản photocopy sau: chứng nhận là thành viên tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực và quốc tế hoặc chứng nhận là thành viên đội tuyển tham dự cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc tế (có tên trong danh sách của Bộ GDĐT); Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn HSG quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia và giấy chứng nhận các đối tượng ưu tiên tuyển thẳng khác;

- Hai phong bì đã dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh; hai ảnh chân dung cỡ 4 x 6.

Lưu ý:

(i) Thí sinh phải nộp hồ sơ ĐKXT thẳng tại sở GDĐT trước ngày 20/5/2018;

(ii) Sau khi có thông báo trúng tuyển của trường, thí sinh phải nộp bản chính giấy chứng nhận đoạt giải để xác nhận nhập học trong thời gian quy định (thời gian tính theo dấu bưu điện nếu nộp qua bưu điện bằng thư chuyển phát nhanh).

Đối tượng được xét tuyển thẳng vào Trường Đại học Luật Hà Nội thuộc diện phải học bổ sung kiến thức bao gồm:

Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú), tính đến ngày nộp hồ sơ ĐKXT theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 23 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo; thí sinh là người dân tộc rất ít người theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 1 năm học trước khi vào học chính thức. Chương trình bổ sung kiến thức do Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội quy định.

Chỉ tiêu xét tuyển thẳng đối với đối tượng được xét tuyển thẳng phải học bổ sung kiến thức không quá 2% tổng chỉ tiêu tuyển sinh hệ đại học chính quy của trường năm 2017.

Ngành xét tuyển thẳng: Ngành Luật.

Tiêu chí xét tuyển thẳng: Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (Nếu số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng vượt quá chỉ tiêu đã xác định thì căn cứ vào xếp loại kết quả học tập năm lớp 12, Trường sẽ xét từ cao xuống thấp cho đến đủ chỉ tiêu).

Hồ sơ của thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng vào Trường Đại học Luật Hà Nội thuộc diện phải học bổ sung kiến thức bao gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (Phụ lục 4, Công văn số 899/BGDĐT-GD&DH ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy năm 2018);

- Bản photocopy học bạ 3 năm học THPT;

- Hai phong bì đã dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh; hai ảnh chân dung cỡ 4 x 6;

- Bản photocopy hộ khẩu thường trú.

Lưu ý: Thí sinh phải nộp hồ sơ ĐKXT thẳng tại sở GD&ĐT trước ngày 20/5/2018.

2.8.1.2. Đối tượng được ưu tiên xét tuyển

Các thí sinh đoạt giải Nhất, Nhì trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh và thí sinh đoạt giải nhất, nhì trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi tốt nghiệp trung học năm 2018 nếu không dùng quyền tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển vào Trường Đại học Luật Hà Nội. Tuy nhiên, các thí sinh này phải ĐKDT theo quy định và tổng điểm thi của 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển không dưới 18.00 điểm, Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội xem xét, quyết định cho vào học.

Chỉ tiêu ưu tiên xét tuyển không quá 1% tổng chỉ tiêu tuyển sinh hệ đại học chính quy của Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2018.

Các thí sinh đăng ký ưu tiên xét tuyển phải ĐKDT theo quy định và phải nộp hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển tại sở GD&ĐT trước ngày 20/5/2018. Hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển gồm:

- Phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển (Phụ lục 5, Công văn số 899/BGDĐT-GD&DH ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn

công tác tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy năm 2018);

- Ít nhất một trong các bản photocopy sau: Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn HSG quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia, quốc tế; Giấy chứng nhận đoạt giải quốc tế về thể dục thể thao, năng khiếu nghệ thuật.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

- Học phí dự kiến với sinh viên chính quy năm học 2018-2019: 810.000 đồng/tháng tương đương 240.000 đồng/01tín chỉ.

- Lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm: 11%

2.11. Các nội dung khác (không trái quy định)....

3. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm

Trường sẽ có thông báo cụ thể nếu tuyển sinh đợt đầu chưa đủ chỉ tiêu

4. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng chính

4.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

4.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

Hạng mục	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
a) Hội trường, giảng đường, phòng học các loại	20.981 m ²
b) Thư viện, trung tâm học liệu	2.173 m ²
c) Phòng thí nghiệm, phòng thực hành, nhà tập đa năng, xưởng thực tập	12.165m ²
Tổng	35.319 m²
d) Chỗ ở ký túc xá: 50 chỗ (dành cho đối tượng 04)	

4.1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

STT	Tên	Các trang thiết bị chính
1.	Phòng thực hành ...	01
2.	Phòng thí nghiệm...	01

4.1.3. Thống kê phòng học

STT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	02
2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	24
3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	18
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	22
5	Số phòng học đa phương tiện	02

4.1.4. Thống kê về học liệu (sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

STT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
1	Nhóm ngành III	+ Tài liệu in: 4.776 đầu tài liệu (399.338 cuốn) + Tài liệu điện tử: 18.452 đầu tài liệu
2	Nhóm ngành VII	+ Tài liệu in: 233 đầu tài liệu (23.680 cuốn) + Tài liệu điện tử: 18.452 đầu tài liệu

4.2. Danh sách giảng viên cơ hữu

Khối ngành		GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/TSKH	ThS	ĐH
Khối ngành III						
1.	Chu Mạnh Hùng			X		
2.	Trần Quang Huy			X		
3.	Vũ Thị Lan Anh		X			
4.	Trương Quang Vinh		X			
5.	Mai Thanh Hiếu			X		
6.	Ngô Thị Vân Anh				X	
7.	Nguyễn Hải Ninh			X		
8.	Nguyễn Phương Anh				X	
9.	Nguyễn Thị Mai				X	

10.	Phan Thị Thanh Mai			X		
11.	Trần Thị Liên				X	
12.	Vũ Gia Lâm			X		
13.	Cao Thị Oanh		X			
14.	Đào Phương Thanh				X	
15.	Hoàng Văn Hùng			X		
16.	Lê Đăng Doanh			X		
17.	Lưu Hải Yên				X	
18.	Mai Thị Thanh Nhung				X	
19.	Nguyễn Ngọc Hoà	X				
20.	Nguyễn Thành Long				X	
21.	Nguyễn Văn Hương			X		
22.	Phạm Tài Tuệ					X
23.	Phạm Văn Báu				X	
24.	Vũ Hải Anh			X		
25.	Lê Thị Diễm Hằng				X	
26.	Đỗ Thị Phương		X			
27.	Trần Thị Thu Hiền				X	
28.	Dương Tuyết Miên		X			
29.	Lê Thị Sơn	X				
30.	Lý Văn Quyền			X		
31.	Nguyễn Việt Khánh Hoà				X	
32.	Bế Hoài Anh				X	
33.	Bùi Thị Mừng			X		
34.	Lê Thu Trang				X	

35.	Ngô Thị Hường		X			
36.	Nguyễn Thị Lan		X			
37.	Nguyễn Văn Cừ		X			
38.	Chu Thị Lam Giang				X	
39.	Hoàng Thị Loan				X	
40.	Kiều Thị Thuỳ Linh			X		
41.	Lê Thị Giang				X	
42.	Lê Thị Hải Yên				X	
43.	Nguyễn Hoàng Long				X	
44.	Nguyễn Minh Oanh			X		
45.	Nguyễn Minh Tuấn			X		
46.	Nguyễn Thị Long				X	
47.	Nguyễn Văn Hợi			X		
48.	Phạm Văn Tuyết		X			
49.	Phùng Trung Tập		X			
50.	Trần Ngọc Hiệp				X	
51.	Trần Thị Huệ		X			
52.	Vũ Thị Hồng Yên			X		
53.	Vương Thanh Thuý			X		
54.	Nguyễn Phương Lan			X		
55.	Bùi Thị Huyền			X		
56.	Đặng Quang Huy					X
57.	Nguyễn Sơn Tùng				X	
58.	Nguyễn Thị Thu Hà			X		
59.	Phan Thanh Dương					X

60.	Trần Anh Tuấn		X			
61.	Trần Phương Thảo			X		
62.	Vũ Hoàng Anh				X	
63.	Đặng Thị Vân Anh				X	
64.	Kiều Thị Thanh			X		
65.	Nguyễn Phan Diệu Linh				X	
66.	Phạm Minh Huyền				X	
67.	Vũ Thị Hải Yến		X			
68.	Bùi Xuân Phái			X		
69.	Đoàn Thị Bạch Liên				X	
70.	Lại Thị Phương Thảo				X	
71.	Lê Văn Long		X			
72.	Nguyễn Minh Đoan		X			
73.	Nguyễn Thị Hồi		X			
74.	Nguyễn Văn Năm			X		
75.	Phạm Vĩnh Hà				X	
76.	Phí Thị Thanh Tuyền			X		
77.	Trần Thị Quyên A				X	
78.	Trần Thị Quyên				X	
79.	Hoàng Thị Minh Phương				X	
80.	Mai Thị Mai				X	
81.	Nguyễn Mai Thuyên				X	
82.	Nguyễn Thị Quỳnh Trang				X	
83.	Nguyễn Thị Hồng Thúy				X	
84.	Thái Thị Thu Trang				X	

85.	Thái Vĩnh Thắng	X				
86.	Tô Văn Hoà		X			
87.	Bùi Thị Đào		X			
88.	Hoàng Quốc Hồng			X		
89.	Hoàng Thị Lan Phương				X	
90.	Lê Thị Thuý				X	
91.	Nguyễn Mạnh Hùng			X		
92.	Nguyễn Ngọc Bích			X		
93.	Nguyễn Thị Thuý			X		
94.	Nguyễn Thu Trang				X	
95.	Nguyễn Thuý Linh				X	
96.	Trần Thị Hiền			X		
97.	Trần Thị Hoa				X	
98.	Phạm Thị Thu Hiền				X	
99.	Hà Thị Lan Phương				X	
100.	Vũ Thị Yên				X	
101.	Trần Hồng Nhung			X		
102.	Đậu Công Hiệp				X	
103.	Nguyễn Thị Khánh Huyền				X	
104.	Cao Kim Oanh				X	
105.	Đoàn Thị Tố Uyên			X		
106.	Lê Thị Ngọc Mai				X	
107.	Ngô Linh Ngọc				X	
108.	Ngô Tuyết Mai				X	
109.	Trần Thị Vượng				X	

110.	Lê Thị Hồng Hạnh				X	
111.	Đỗ Thị Dung			X		
112.	Đoàn Xuân Trường				X	
113.	Hà Thị Hoa Phượng				X	
114.	Nguyễn Hiền Phương		X			
115.	Nguyễn Hữu Chí		X			
116.	Nguyễn Tiến Dũng				X	
117.	Trần Thị Kiều Trang				X	
118.	Trần Thị Thuý Lâm		X			
119.	Cao Thanh Huyền				X	
120.	Lê Hương Giang				X	
121.	Lê Ngọc Anh				X	
122.	Nguyễn Ngọc Anh				X	
123.	Nguyễn Như Chính				X	
124.	Nguyễn Quang Huy				X	
125.	Nguyễn Quý Trọng			X		
126.	Nguyễn Thị Dung (70)			X		
127.	Nguyễn Thị Huyền Trang				X	
128.	Nguyễn Thị Yên			X		
129.	Nguyễn Việt Tý		X			
130.	Phạm Thị Huyền				X	
131.	Trần Ngọc Dũng		X			
132.	Trần Quỳnh Anh				X	
133.	Trần Thị Bảo Ánh			X		
134.	Trần Trọng Đại				X	

135.	Vũ Thị Hoà Như				X	
136.	Đào ánh Tuyết				X	
137.	Hoàng Minh Thái				X	
138.	Nguyễn Ngọc Yên				X	
139.	Nguyễn Đức Ngọc				X	
140.	Nguyễn Hải Yên				X	
141.	Nguyễn Mai Anh				X	
142.	Nguyễn Minh Hằng			X		
143.	Nguyễn Thị Thanh Tú				X	
144.	Phạm Nguyệt Thảo				X	
145.	Phạm Thị Giang Thu		X			
146.	Trần Vũ Hải			X		
147.	Đỗ Xuân Trọng				X	
148.	Lê Thị Ngọc Mai				X	
149.	Nguyễn Quang Tuyền		X			
150.	Nguyễn Thị Dung (63)			X		
151.	Nguyễn Thị Hồng Nhung			X		
152.	Nguyễn Thị Nga		X			
153.	Phạm Thu Thủy			X		
154.	Bùi Hồng Nhung				X	
155.	Đặng Hoàng Sơn				X	
156.	Nguyễn Thị Hằng				X	
157.	Nguyễn Văn Phương			X		
158.	Phạm Thị Mai Trang				X	
159.	Vũ Thị Duyên Thủy		X			

160.	Hoàng Minh Chiến				X	
161.	Nguyễn Ngọc Quyên				X	
162.	Phạm Phương Thảo				X	
163.	Tổng Đức Duy				X	
164.	Trần Thị Phương Liên				X	
165.	Lương Thị Thoa				X	
166.	Nguyễn Văn Đợi				X	
167.	Nguyễn Văn Luân				X	
168.	Trần Phương Tâm An				X	
169.	Bùi Thị Thu			X		
170.	Hà Việt Hưng			X		
171.	Lê Thị Bích Thủy				X	
172.	Nguyễn Đức Việt				X	
173.	Nguyễn Hồng Bắc			X		
174.	Nguyễn Thái Mai			X		
175.	Nguyễn Thu Thủy				X	
176.	Nông Quốc Bình		X			
177.	Trần Minh Ngọc			X		
178.	Trần Thuý Hằng				X	
179.	Vũ Thị Phương Lan			X		
180.	Đỗ Quý Hoàng				X	
181.	Hà Thanh Hoà				X	
182.	Lê Thị Anh Đào				X	
183.	Mạc Thị Hoài Thương				X	
184.	Nguyễn Thị Kim Ngân			X		

185.	Nguyễn Thị Hồng Yên			X		
186.	Nguyễn Thị Thuận		X			
187.	Phạm Hồng Hạnh				X	
188.	Phạm Thị Bắc Hà				X	
189.	Trần Thị Thu Thủy				X	
190.	Lã Minh Trang				X	
191.	Bùi Thị Ngọc Lan				X	
192.	Đoàn Quỳnh Thương				X	
193.	Hoàng Thị Quỳnh Trang				X	
194.	Lê Minh Tiến			X		
195.	Nguyễn Quỳnh Anh				X	
196.	Nguyễn Thùy Dương				X	
197.	Vũ Ngọc Dương				X	
198.	Hoàng Thanh Phương				X	
199.	Hà Thị Phương Trà				X	
200.	Ngô Thị Ngọc Ánh					X
201.	Nguyễn Thị Thu Hiền			X		
202.	Tào Thị Huệ				X	
203.	Trần Thu Yên				X	
204.	Trương Quang Anh				X	
205.	Đỗ Thu Hương				X	
206.	Lê Đình Quyết				X	
207.	Nguyễn Thanh Tâm			X		
208.	Phạm Thanh Hằng				X	
209.	Ngô Trọng Quân				X	

210.	Nguyễn Bá Bình			X		
211.	Nguyễn Mai Linh				X	
212.	Nguyễn Quỳnh Trang				X	
213.	Nguyễn Thị Anh Thơ				X	
214.	Trần Phương Anh				X	
215.	Trương Thị Thuý Bình			X		
216.	Nguyễn Thị Vân Anh		X			
217.	Nguyễn Văn Tuyên			X		
218.	Nguyễn Triều Dương			X		
219.	Lê Đình Nghị			X		
220.	Vũ Phương Đông			X		
221.	Bùi Thị Minh Trang				X	
222.	Đặng Thị Hồng Tuyên				X	
223.	Đào Lệ Thu			X		
224.	Đỗ Thị Ánh Hồng				X	
225.	Hà Thị Út				X	
226.	Nguyễn Thị Ánh Vân		X			
227.	Nguyễn Toàn Thắng			X		
228.	Phạm Minh Trang				X	
229.	Phạm Quý Đạt				X	
230.	Bùi Minh Hồng			X		
231.	Trần Ngọc Định				X	
232.	Hoàng Ly Anh			X		
233.	Trần Thái Dương			X		
234.	Hoàng Ngọc Hưng				X	

235.	Trần Kim Liễu			X		
236.	Nguyễn Văn Quang		X			
237.	Phan Thị Lan Hương			X		
238.	Bùi Đăng Hiếu		X			
239.	Đỗ Ngân Bình			X		
240.	Nguyễn Thị Bích Hồng				X	
241.	Vũ Văn Cương			X		
242.	Nguyễn Tuyết Mai			X		
243.	Hà Thị Minh Phương				X	
244.	Nguyễn Thị Thu Thủy				X	
245.	Phạm Văn Hạnh				X	
246.	Phạm Hoài Điệp				X	
247.	Phí Văn Định					X
248.	Đặng Đình Thái				X	
249.	Lê Thanh Thập		X			
250.	Nguyễn Cẩm Nhung				X	
251.	Nguyễn Thị Mai Lan				X	
252.	Nguyễn Thị Thanh Huyền			X		
253.	Phạm Thái Huynh				X	
254.	Trần Thị Hồng Thuý			X		
255.	Vũ Kim Dung			X		
256.	Nguyễn Hùng Cường				X	
257.	Nguyễn Văn Khoa			X		
258.	Trần Thị Thu Hương				X	
259.	Võ Văn Hà				X	

260.	Nguyễn Thị Ngọc Dung				X	
261.	Đào Ngọc Tuấn			X		
262.	Nguyễn Mạnh Tường		X			
263.	Nguyễn Thanh Hoa				X	
264.	Nguyễn Thị Liên				X	
265.	Trịnh T.Phương Oanh				X	
266.	Ngo Văn Nhân			X		
267.	Phan Thị Luyện			X		
268.	Nguyễn Thanh Hương				X	
269.	Đặng Thanh Nga		X			
270.	Bùi Kim Chi			X		
271.	Chu Văn Đức			X		
272.	Phan Kiều Hạnh				X	
273.	Đặng Ngọc Long					X
274.	Đỗ Thị Tươi				X	
275.	Ngô Khánh Thế					X
276.	Nguyễn Hải Tùng				X	
277.	Nguyễn Sơn Tùng				X	
278.	Nguyễn Thị Biên				X	
279.	Nguyễn Trọng Quang				X	
280.	Phạm Ngọc Bách				X	
281.	Vũ Xuân Thuấn					X
Tổng của khối ngành: 281		3	36	80	154	8
Khối ngành VII						
1.	Đỗ Thị Tiến Mai				X	

2.	Nguyễn Thị Khánh Vân			X		
3.	Phạm Thị Phương Nhung				X	
4.	Đào Thị Tâm				X	
5.	Đông Hoàng Minh				X	
6.	Lã Nguyễn Bình Minh				X	
7.	Nguyễn Hải Anh					X
8.	Nguyễn Thị Hường				X	
9.	Nguyễn Thị Hương Lan				X	
10.	Nguyễn Thu Trang				X	
11.	Nhạc Thanh Hương				X	
12.	Trần Thị Thương					X
13.	Vũ Thị Thanh Vân				X	
14.	Vũ Thị Việt Anh					X
15.	Nguyễn Trường Giang					X
16.	Trần Ngọc Dương				X	
17.	Trịnh Thị Thuý Hoa				X	
18.	Vũ Thuý Trang				X	
Tổng của khối ngành: 18				1	13	4
TS giảng viên của Trường: 299		3	36	81	167	12

4.3. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

Khối ngành		GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/TSKH	ThS	ĐH
Khối ngành III						
	Ngành Pháp luật					
1	Vũ Hồng Anh		X			

2	Bùi Xuân Đức		X			
3	Nguyễn Đăng Dung	X				
4	Trần Ngọc Đường	X				
5	Vũ Công Giao		X			
6	Hoàng Minh Hiếu		X			
7	Tường Duy Kiên		X			
8	Phan Trung Lý	X				
9	Đinh Văn Mậu		X			
10	Hoàng Văn Nghĩa		X			
11	Đinh Xuân Thảo		X			
12	Hoàng Văn Tú		X			
13	Nguyễn Hoàng Anh		X			
14	Nguyễn Quốc Sửu		X			
15	Phạm Hồng Thái	X				
16	Nguyễn Bá Chiến		X			
17	Đinh Ngọc Vượng		X			
18	Nguyễn Bá Diên	X				
19	Lê Thành Long			X		
20	Đoàn Năng		X			
21	Hoàng Phước Hiệp		X			
22	Nguyễn Ngọc Anh		X			
23	Lê Văn Cảm	X				
24	Trần Văn Độ		X			
25	Nguyễn Minh Đức	X				
26	Đào Trí Úc	X				

27	Nguyễn Ngọc Chí		X			
28	Ngô Huy Cương		X			
29	Lê Hồng Hạnh	X				
30	Nguyễn Vũ Hoàng		X			
31	Hoàng Thế Liên		X			
32	Nguyễn Minh Mẫn		X			
33	Nguyễn Đức Minh		X			
34	Nguyễn Thị Mơ	X				
35	Tăng Văn Nghĩa		X			
36	Lê Hoàng Oanh			X		
37	Nguyễn Như Phát		X			
38	Lê Vệ Quốc			X		
39	Đào Thị Hằng		X			
40	Nguyễn Thị Kim Phụng			X		
41	Nguyễn Xuân Thu			X		
42	Lê Thị Hoài Thu		X			
43	Phạm Hữu Nghị		X			
44	Doãn Hồng Nhung		X			
45	Trần Đình Hảo		X			
46	Đinh Dũng Sĩ		X			
47	Lê Thị Thu Thủy		X			
48	Nguyễn Thị Việt Hương		X			
49	Nguyễn Văn Mạnh		X			
50	Hoàng Thị Kim Quế	X				
51	Lê Minh Tâm	X				

52	Chu Hồng Thanh		X			
53	Trịnh Đức Thảo		X			
54	Lê Minh Thông		X			
55	Vũ Thu		X			
56	Nguyễn Ngọc Chí		X			
57	Nguyễn Minh Đức	X				
58	Đỗ Ngọc Quang	X				
Tổng của khối ngành: 58		14	39	5		
Khối ngành VII						
Ngành Nhân văn						
1	Kiều Linh				X	
2	Nguyễn Thị Thanh Ngọc				X	
3	Đỗ Thị Phương Mai				X	
4	Lê Thế Quý				X	
5	Nguyễn Hồng Thúy				X	
6	Lương Bá Hùng				X	
7	Nguyễn Đăng Vũ Long				X	
Tổng của khối ngành: 7					7	

5. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

Nhóm ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó số SV tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng	
	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP	ĐH	CĐSP
Nhóm ngành I								
Nhóm ngành II								

Nhóm ngành III	3800		3794		3710		2360	
Nhóm ngành IV								
Nhóm ngành V								
Nhóm ngành VI								
Nhóm ngành VII								
Tổng	3800		3794		3710		2360	

5. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của Trường (bao gồm nguồn NSNN cấp và nguồn thu sự nghiệp): 180 tỷ đồng;
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 10.500.000 đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng)/.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

Lê Tiến Châu